TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2019
V/v Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Lệ Thu – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Bà Nguyễn Thị Tùng Hoa

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Thúy Hạnh, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại Hội trường xét xử số 2, Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 27/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Anh Phan Văn Q; sinh ngày 15/7/1989; địa chỉ: Thôn 7, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Phan Thị L; sinh ngày 03/02/1989; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn 9, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Pháp; vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

Người được chị Phan Thị L ủy quyền giao nhận tài liệu, chứng cứ: Bà Đào Thị Tám; địa chỉ: Thôn 9, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Văn Q trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị L đăng ký kết hôn ngày 10/11/2011 tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được 1 tuần thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Chị L đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ, được sự khuyên can của hai gia đình chị lại trở về sống chung nhưng được 2 ngày lại tiếp tục bỏ về và từ đó đến nay, hai vợ chồng không sống chung nữa. Năm 2012, chị L đi lao động tại Pháp. Hai vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc. Hiện tại, mỗi người đều có cuộc sống riêng, có người yêu thương riêng nên hôn nhân chỉ tồn tại trên danh nghĩa vì vậy anh Phan Văn Q làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị L.

Quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn anh Phan Văn Q không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Phan Thị L trình bày bằng văn bản có nội dung giống trình bày của anh Phan Văn Q về tình cảm, con chung, tài sản chung và chị cũng có nguyện vọng được ly hôn với anh Phan Văn Q.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu được ly hôn.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Văn Q. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn Q và chị Phan Thị L.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Phan Thị L hiện đang lao động tự do tại Pháp, nên quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật TTDS năm 2015,

[1.2] Tòa án đã yêu cầu chị Phan Thị L cung cấp địa chỉ cụ thể tại Pháp để Tòa thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, tống đạt các văn bản tố tụng, tuy nhiên chị L không cung cấp địa chỉ nhưng đã gửi văn bản trình bày quan điểm đối với yêu cầu ly hôn của anh Phan Văn Q và có yêu cầu được xét xử vắng mặt, ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ, văn bản tố tụng cho bà Đào Thị Tám (mẹ đẻ của chị L). Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa

án nhân dân Tối cao, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn Q và chị Phan Thị L đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Sau 7 ngày kết hôn, chị Phan Thị L đã bỏ về nhà ngoại. Mặc dù đã quay lại nhưng cũng chỉ được 2 ngày, chị lại tiếp tục về nhà mẹ đẻ của mình. Nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của hai anh chị là do không hòa hợp, bất đồng quan điểm, khác biệt về tính cách.

Năm 2012 chị L đi lao động tại Pháp, từ đó đến nay chưa về nước. Hiện tại, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, đều tự thấy không còn tình cảm và mong muốn ly hôn.

HĐXX thấy rằng, tình cảm là tự nguyện, không thể gò bó, ép buộc. Rõ ràng, quan hệ vợ chồng giữa anh Q và chị L đã trầm trọng. Ngay từ những ngày đầu kết hôn đã bất hòa, không có tiếng nói chung. Tại phiên tòa hôm nay, anh Q thừa nhận mình đã chung sống và có con với người phụ nữ khác.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…nhưng cuộc hôn nhân của anh Q và chị L không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thương yêu, Q trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51); "Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...."(Điều 55).

Như vậy, anh Q và chị L đã đồng thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[2.2]Quan hệ con chung: Nguyên đơn và bị đơn không có con chung

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

[2.4] Về án phí : Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 55, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Văn Q:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn Q và chị Phan Thị L.

3. Về án phí : Anh Phan Văn Q phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 001308 ngày 20/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nơi nhận
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THA tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã C, Nghi Xuân;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Lệ Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Bùi Văn Hồng	**Nguyễn Thị Tùng Hoa**	**Trương Thị Lệ Thu**